

MÔ TẢ YÊU CẦU
“HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN QUY
PHẠM”

MỤC LỤC

A. YÊU CẦU HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN NGHIỆP VỤ.....	3
1. Yêu cầu chung:.....	3
2. Yêu cầu các phân hệ, ứng dụng cơ bản:.....	3
2.1. Phân hệ quản lý nội dung văn bản nghiệp vụ.....	3
2.2. Phân hệ soạn thảo, bóc tách, biên tập hành vi vi phạm pháp luật	3
2.3. Phân hệ quản lý chế tài	3
2.4. Phân hệ quản lý hành vi vi phạm	3
2.5. Phân hệ quản lý loại đối tượng vi phạm.....	3
2.6. Ứng dụng quản lý hành vi vi phạm, chế tài xử lý và văn bản pháp luật trên thiết bị chuyên dụng	Error! Bookmark not defined.
3. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng:.....	3
4. Yêu cầu về mô hình kiến trúc công nghệ:.....	17
5. Mô tả kiến trúc nghiệp vụ:	18
6. Yêu cầu về triển khai hệ thống:	18
7. Các yêu cầu về bảo mật:	19
8. Các yêu cầu về sao lưu, phục hồi dữ liệu:	19
9. Các yêu cầu về giao diện, kết nối	19
10. Các yêu cầu về thời gian đáp ứng:.....	20
11. Yêu cầu chức năng, trường hợp sử dụng:.....	21

A. YÊU CẦU HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM

1. Mô tả chung:

- Nền tảng quản lý quy phạm pháp luật và quy phạm nội bộ tập trung, có khả năng nâng cấp, bổ sung, khai thác lâu dài.
- Hỗ trợ hay trên thiết bị chuyên dụng đáp ứng khả năng khai thác dữ liệu văn bản quy phạm phục vụ yêu cầu tra cứu, truy vấn theo hành vi, nội dung, căn cứ gốc.
- Phần mềm có khả năng mở rộng, sử dụng lâu dài, có thể triển khai trong mạng nội bộ, mạng chuyên dụng hoặc trên môi trường Internet.
- Đáp ứng đầy đủ khả năng quản lý và khai thác các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm nội bộ

2. Các phân hệ, ứng dụng cơ bản:

- Phân hệ quản lý nội dung văn bản nghiệp vụ
- Phân hệ soạn thảo, bóc tách, biên tập hành vi
- Phân hệ quản lý chế tài
- Phân hệ quản lý hành vi
- Phân hệ quản lý loại đối tượng

3. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng:

Giải pháp kỹ thuật áp dụng phù hợp với danh mục các tiêu chuẩn ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	một hoặc cả hai tiêu chuẩn

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị áp dụng
1.3	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị áp dụng
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng
1.5	Truyền thư điện tử	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc áp dụng
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.11		IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	Liên mạng LAN/WAN	IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc áp dụng
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị áp dụng
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Khuyến nghị áp dụng
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		WS- Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS- MetadataExchange	Web Services Metadata Exchange	Khuyến nghị áp dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng
2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị áp dụng
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836- 1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công nghệ thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		JSR286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
4.5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị áp dụng

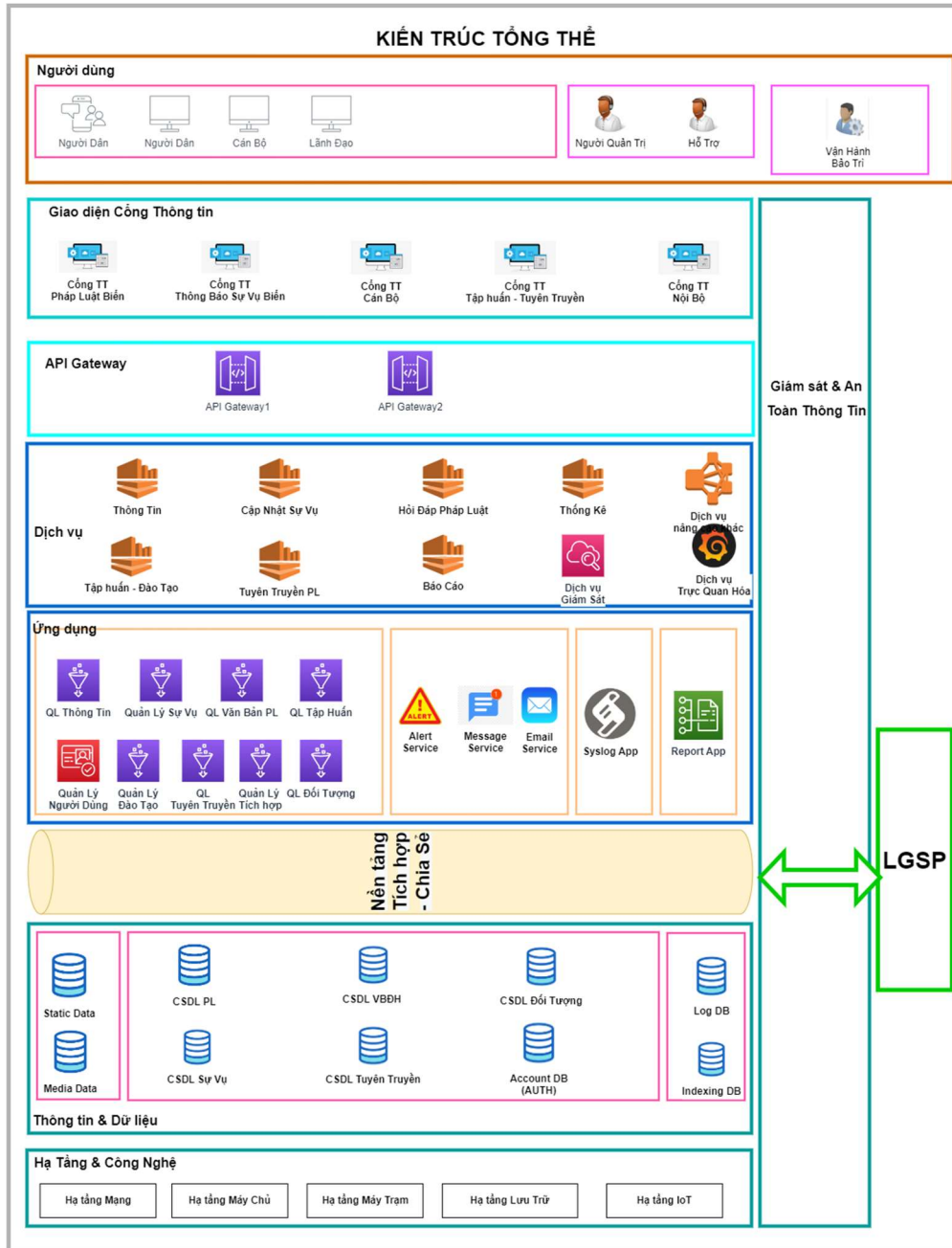
STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị áp dụng
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị áp dụng
4.17	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	

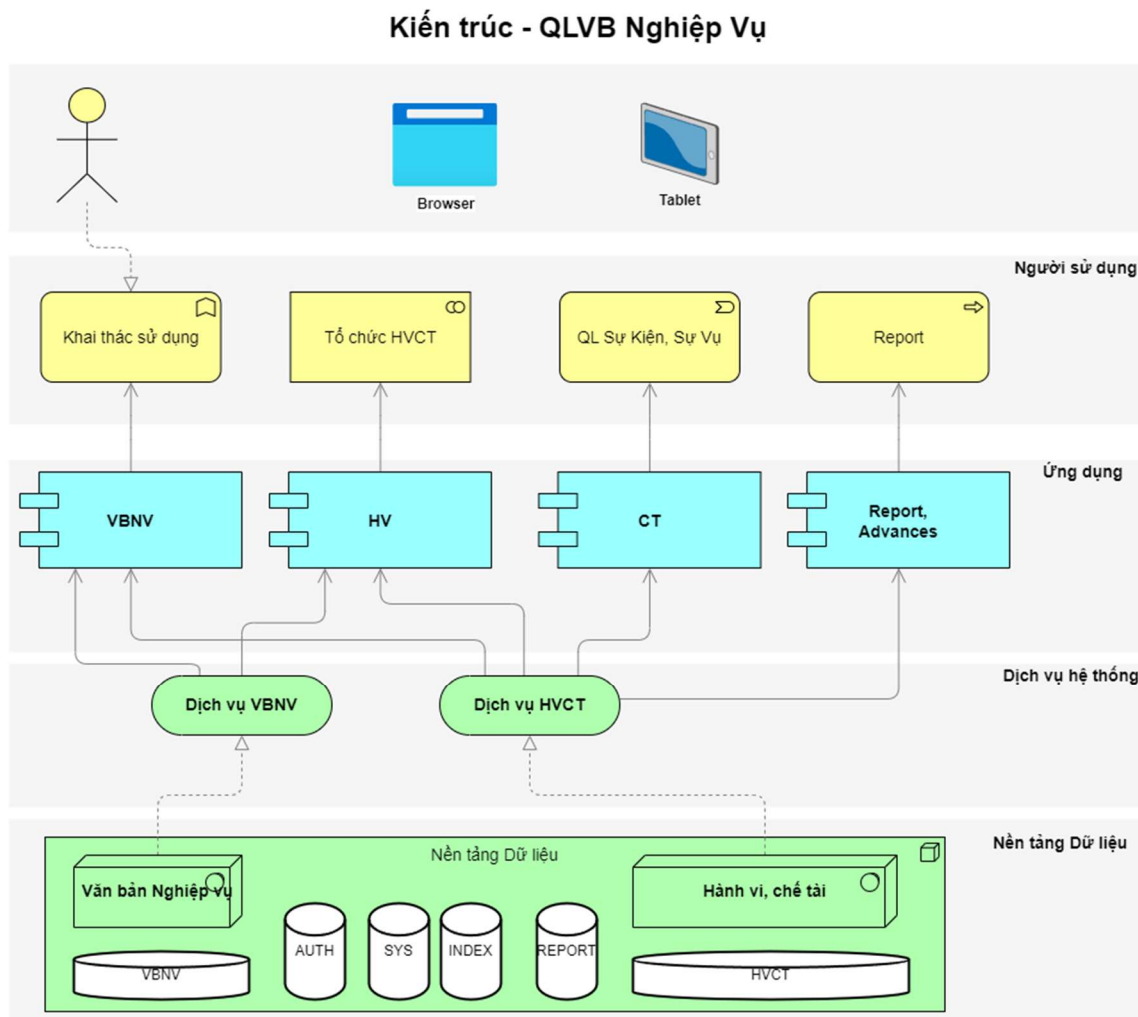
STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 6960	On-line Certificate status protocol	
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008 ISO/IEC 18014-2:2009 ISO/IEC 18014-3:2009 ISO/IEC 18014-4:2015	Information technology Security techniques - Time stamping services Part 1: Framework Part 2: Mechanisms producing independent tokens Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources	
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

4. Mô hình kiến trúc công nghệ:

Đáp ứng mô hình kiến trúc CPĐT phiên bản 2.0 hiện hành



5. Mô tả kiến trúc nghiệp vụ:



6. Môi trường triển khai hệ thống:

Hệ thống cho phép triển khai trong mạng nội bộ, mạng chuyên dùng hoặc ngoài môi trường Internet. Đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

- Đảm bảo tuân thủ đúng theo Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền về việc Quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;
- Đảm bảo tính mở và tuân theo các tiêu chuẩn của quốc tế và trong nước đưa ra;
- Đảm bảo an ninh và bảo mật dữ liệu trao chuyển thông tin trên mạng, đảm bảo an toàn tuyệt đối trên mạng, đảm bảo an ninh trong cơ chế truy cập;
- Đảm bảo thông tin kịp thời, nhanh chóng, chính xác và liên tục;

- Đáp ứng các yêu cầu cấu trúc mạng khoa học hợp lý đáp ứng yêu cầu hiện tại cũng như tương lai. Trong tương lai khi cần mở rộng hay nâng cấp mạng (như thêm người sử dụng, sẽ không cần thay đổi cấu trúc mạng mà chỉ cần thêm các thiết bị kết nối vào hệ thống mạng sẵn có. Mặt khác, các thiết bị LAN Switch phải dư thừa cổng mạng, đảm bảo có cổng dự phòng cho phát triển;
- Đảm bảo trong tương lai (trong 05 năm) vẫn đáp ứng đầy đủ (về băng thông và các thiết bị truyền thông) các nhu cầu ngày càng tăng về dịch vụ dữ liệu;
- Tính hoạt động liên tục, cơ chế back-up;

7. Mô tả về bảo mật:

- Đáp ứng khả năng an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều mức: mức mạng, mức xác thực người sử dụng và mức CSDL;
- Hệ thống phải đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong hệ thống;
- Toàn bộ các dữ liệu cần quản lý phải được lưu trong CSDL hoặc thư mục, tệp tin cho phép phân quyền truy cập chặt chẽ;
- Đảm bảo an ninh tốt nhất cho hệ thống, giảm thiểu các nguy cơ tấn công;
- Có giải pháp cảnh báo sớm các vấn đề về sự cố, trực trực hoặc dấu hiệu bị tấn công của hệ thống;
- Chuẩn hóa tài liệu, quy trình vận hành nhằm dễ dàng trong quá trình quản trị, xử lý sự cố, nâng cấp hệ thống.

8. Mô tả về sao lưu, phục hồi dữ liệu:

- Có giải pháp sao định kỳ, tự động phù hợp nhằm đảm bảo khả năng phục hồi dữ liệu trong trường hợp cần thiết
- Việc sao lưu (backup) và phục hồi (restore) dữ liệu sẽ được thực hiện bởi người quản trị hệ thống dựa trên các tính năng có sẵn của Hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Tùy thuộc vào từng cơ chế lưu trữ cơ sở dữ liệu mà có những cách sao lưu và phục hồi khác nhau. Định kỳ dữ liệu sẽ được sao lưu theo dạng đầy đủ (Full Backup) hoặc gia tăng (Increased Backup) ra server lưu trữ.
- Có phương án phục hồi dữ liệu toàn bộ hoặc từng phần;

9. Mô tả về giao diện, kết nối

- **Giao diện với người sử dụng đầu cuối dựa trên nền tảng web hoặc app (trong trường hợp sử dụng app cho thiết bị chuyên dùng):**
- Giao diện đơn giản, hiện đại hướng đến trải nghiệm người dùng.
- Nhất quán các thuật ngữ, cấu trúc chức năng;
- Dễ thao tác ít đòi hỏi nhiều kỹ năng liên quan đến công nghệ thông tin.
- Hệ thống sẽ cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng Việt có dấu.
- Với các lỗi do phần mềm/hệ thống gây ra, phải thông báo cho người dùng biết nguyên nhân và phương pháp xử lý. Có các biện pháp tự động phục hồi trong các trường hợp xác định. Tất

cả các lỗi loại này phải được ghi lại thành log phục vụ cho mục đích bảo trì phần mềm, hệ thống.

- Tương thích với các nhiều loại trình duyệt thông dụng hiện nay: Chrome, Internet Explorer, Firefox, Opera, ...
- Cho phép người quản trị tự cấu hình các chức năng sử dụng trên hệ thống.
- Tuân thủ các quy định về chuẩn nội dung web, các định dạng văn bản, các định dạng hình ảnh.
- Bộ mã tiếng Việt và font chữ: Sử dụng bộ mã ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

10. Mô tả về thời gian đáp ứng:

- Đáp ứng trong khoảng thời gian ngắn nhất với các yêu cầu;
 - Thời gian cho phép để hệ thống phản hồi lại thông tin đã tiếp nhận yêu cầu xử lý từ phía người sử dụng trung bình là 15 giây (s);
 - Thời gian cho phép để hiển thị đầy đủ trang thông tin tối đa là 30 (s);
 - Thời gian cho phép để gửi kết quả tìm kiếm thông tin là 40 (s);
 - Để hệ thống hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao, hệ thống máy chủ cần đáp ứng các yêu cầu phù hợp.
- Cấu hình máy chủ (ảo hoặc vật lý) khuyến nghị:

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng	Cấu hình	Ghi chú
1	Máy chủ proxy	Bộ	01	>= 8 cores CPU; >= 8GB Memory; >= 50GB SSD;	
2	Máy chủ ứng dụng	Bộ	02	>= 20 cores CPU; >= 32GB Memory; >= 200GB SSD;	Chạy HA (1 chính – 1 dự phòng hoặc cân bằng tải)
3	Máy chủ Cơ sở dữ liệu	Bộ	01	>= 32 cores CPU; >= 64GB Memory; >= 1TB SSD;	
4	Máy chủ Sao lưu	Bộ	01	>= 8 cores CPU; >=16GB Memory; >=2TB HDD;	Sao lưu CSDL và hệ thống gia tăng hằng ngày, đầy đủ hằng tuần; Lưu trữ 3 tháng xoay vòng;

11. Danh mục chức năng cơ bản, trường hợp sử dụng:

STT	Phân hệ	Chức năng
A	NỀN TẢNG QUẢN LÝ KHAI THÁC VĂN BẢN NGHIỆP VỤ	
I	Quản lý danh mục	
1	Danh mục Vùng	Xem danh sách
		Tìm kiếm trên danh sách
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		Nhập excel
		In danh sách
2	Danh mục Quốc gia	Xem danh sách
		Tìm kiếm trên danh sách
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		Nhập excel
		In danh sách
3	Danh mục hành vi	Xem danh sách
		Tìm kiếm trên danh sách
		Thêm mới
		Xem chi tiết

		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		Nhập excel
		In danh sách
		Thêm nhanh
III	Quản lý Tài khoản sử dụng	
1	Danh mục người sử dụng	Xem danh sách
		Tìm kiếm trên danh sách
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		Nhập excel
		In danh sách
		Thay đổi mật khẩu
		Thiết lập lại mật khẩu (Reset Password)
		Vô hiệu hóa tài khoản (Disable Account)
		Kích hoạt lại tài khoản (Reactivate Account)
VI	Phân hệ Quản lý văn bản quy phạm	
1	Quản lý văn bản	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa

		Xuất excel
		In danh sách
2	Quản lý hành vi	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		In danh sách
3	Quản lý loại chế tài	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		In danh sách
4	Quản lý chế tài	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		In danh sách
VII	Phân hệ Quản lý loại đối tượng	

1	Quản lý danh mục loại đối tượng	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		In danh sách
2	Quản lý chế tài áp dụng	Xem danh sách
		Tìm kiếm
		Thêm mới
		Xem chi tiết
		Sửa
		Xóa
		Xuất excel
		In danh sách
IX	Phân hệ Dashboard	
1	Thống kê số lượng văn bản quy phạm	Số lượng văn bản
		(Số lượng các loại văn bản theo yêu cầu)
2	Thống kê hoạt động	Các hoạt động gần nhất của người dùng
		Loại hoạt động
		Tài khoản hoạt động
		Đối tượng hoạt động
X	Phân hệ Dashboard Hệ thống	
1	Thống kê số lượng văn bản quy phạm pháp luật	Số lượng văn bản

		(Số lượng các loại văn bản theo yêu cầu)
2	Thống kê hoạt động	Các hoạt động gần nhất của hệ thống
		Loại hoạt động
		Tài khoản hoạt động
		Đối tượng hoạt động
XI	Phân hệ Báo cáo	
1	Báo cáo tổng hợp văn bản	Chọn thời gian báo cáo
		Xem dữ liệu báo cáo
		Xuất excel nội dung báo cáo
2	Báo cáo tổng hợp hành vi	Chọn thời gian báo cáo
		Xem dữ liệu báo cáo
		Xuất excel nội dung báo cáo
3	Báo cáo tổng hợp loại đối tượng	Chọn thời gian báo cáo
		Xem dữ liệu báo cáo
		Xuất excel nội dung báo cáo
I	Phân quản lý hành vi	
1	Tra cứu hành vi	Cho phép tra cứu tên hành vi
		Cho phép tra cứu dựa vào loại hành vi
		Cho phép tra cứu văn bản liên quan tới hành vi
2	Lịch sử tra cứu gần đây	Quản lý lịch sử tra cứu
		Lưu lịch sử tra cứu vào dữ liệu cá nhân
		Xóa lịch sử tra cứu
3	Quản lý hành vi vi phạm phổ biến	Tìm kiếm hành vi vi phạm phổ biến

		Thêm hành vi vi phạm phổ biến
		Sửa hành vi vi phạm phổ biến
		Xóa hành vi vi phạm phổ biến
		Tra cứu văn bản quy phạm liên quan hành vi vi phạm phổ biến
II	Phân quản lý chế tài	
1	Tra cứu chế tài	Cho phép tra cứu tên chế tài xử phạt
		Cho phép tra cứu dựa vào loại chế tài
		Cho phép tra cứu văn bản liên quan tới chế tài
2	Lịch sử tra cứu gần đây	Quản lý lịch sử tra cứu
		Lưu lịch sử tra cứu vào dữ liệu cá nhân
		Xóa lịch sử tra cứu
3	Quản lý chế tài áp dụng phổ biến	Tìm kiếm chế tài áp dụng phổ biến
		Thêm chế tài áp dụng phổ biến
		Sửa chế tài áp dụng phổ biến
		Xóa chế tài áp dụng phổ biến
		Tra cứu văn bản quy phạm liên quan chế tài phổ biến
III	Phân quản lý đối tượng	
1	Tra cứu loại đối tượng	Cho phép tra cứu tên đối tượng
		Cho phép tra cứu dựa vào loại đối tượng
		Cho phép tra cứu văn bản liên quan tới đối tượng
2	Lịch sử tra cứu gần đây	Quản lý lịch sử tra cứu
		Lưu lịch sử tra cứu vào dữ liệu cá nhân
		Xóa lịch sử tra cứu

3	Quản lý đối tượng thông dụng	Tìm kiếm đối tượng thông dụng Thêm đối tượng thông dụng Sửa đối tượng thông dụng Xóa đối tượng thông dụng Tra cứu văn bản quy phạm liên quan đối tượng thông dụng
IV	Phân hệ quản lý văn bản quy phạm pháp luật gốc	
1	Tra cứu văn bản	Cho phép tra cứu nội dung văn bản Cho phép tra cứu dựa vào loại văn bản Cho phép tra cứu nội dung gốc văn bản
2	Quản lý văn bản quy phạm	Xem danh sách Tìm kiếm tiêu đề Thêm mới Xem chi tiết Sửa Xóa
V	Phân hệ quản lý tài khoản trên thiết bị	
1	Quản lý danh sách tài khoản trên thiết bị	Xem danh sách Tìm kiếm tài khoản Thêm mới Xem chi tiết Sửa Xóa
VI	Phân hệ cập nhật cơ sở dữ liệu văn bản	
1	Quản lý cập nhật	Xem phiên bản dữ liệu

		Kiểm tra trạng thái cập nhật
		Cập nhật cơ sở dữ liệu
		Xem kết quả cập nhật
2	Quản lý sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu	Xem danh sách sao lưu
		Sao lưu cơ sở dữ liệu
		Phục hồi cơ sở dữ liệu
3	Quản lý lịch sử cập nhật	Danh sách lịch sử cập nhật dữ liệu